TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TP. HÀ NỘI** **- - - *&*- - -**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **- - - - - - - - - **&** - - - - - - - - -**

Bản án số: **182**/2018/HS-ST
Ngày: 29.11.2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S – TP. HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Chử Phương Ngọc.**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đăng Hải.**
Bà **Nguyễn Thị Đoan.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, TP. Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29.11.2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S – TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 194/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2018/QĐXXST-HS ngày 20.11.2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S (tức D), sinh năm 1995, tại Hải Dương.
Nơi cư trú: Đội 9, thôn Tr, xã Th, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Ch và bà Hoàng Thị Th; Có 01con sinh năm 2013; Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 77/2015/HSST ngày 01.12.2015 Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, ra trại ngày 28.4.2017; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị bắt, tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 24.9.2018 đến nay.
Có mặt.

- Người bị hại: Chị ***Phùng Thị H***, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện S, TP.Hà Nội.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Anh ***Nguyễn Văn H***, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Khu chợ N, xã H, huyện S, TP. Hà Nội.
Vắng mặt chị H, anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11h ngày 22.9.2018, Nguyễn Văn S (D) đến quán ăn của chị Nguyễn Thị Đ tại thôn P, xã M, huyện S, TP.Hà Nội để mua cơm. Trong lúc chờ lấy cơm, S phát hiện chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 của chị Phùng Thị H (là nhân viên của quán) đang để trên bàn, thấy không có người trông giữ nên S liền dùng tay trái lấy chiếc điện thoại đút vào túi quần phía sau bên trái. Sau khi mua cơm xong, S đi về chỗ làm thuê tại xã M. Đến khoảng 12h cùng ngày, S mang điện thoại trộm cắp được đến quán điện thoại của anh Nguyễn Văn H tại khu chợ N , xã H, huyện S nhờ phá khóa vì điện thoại cài mật khẩu. Do anh H không mở được mật khẩu nên S đổi chiếc điện thoại trộm cắp được lấy chiếc điện thoại di động Iphone 6 tại cửa hàng để sử dụng. Ngày 23.9.2018 chị H có đơn trình báo Cơ quan công an về việc bị mất chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 tại cửa hàng bán cơm của chị Đ. Do lo sợ hành vi trộm cắp của mình bị phát hiện nên ngày 24.9.2018 S đến Công an huyện S đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi và giao nộp 01 chiếc điện thoại Iphone 6.

Tại Kết luận định giá tài sản số 229/KL ngày 26.9.2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của huyện Sóc Sơn kết luận chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 trị giá 6.392.000đ.

Đối với Nguyễn Văn H có hành vi đổi điện thoại Iphone 6 cho S lấy điện thoại OPPO F7 nhưng không biết chiếc điện thoại này là do S trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận được tài sản, chị H và anh H đều không yêu cầu gì về dân sự.

Tại Cáo trạng số 182/CT-VKS ngày 19.11.2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố Nguyễn Văn S phạm tội Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát huyện S sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, ĐIểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/ UBTVQH ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội, xử phạt Nguyễn Văn Sáng từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về dân sự : Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Điều tra viên Công an huyện S đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đều là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng 11 giờ ngày 22.9.2018, tại cửa hàng ăn của chị Nguyễn Thị Đáp ở thôn P, xã M, huyện S, TP.Hà Nội Nguyễn Văn S đã có hành vi lợi dụng sơ hở lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 của chị Phùng Thị H trị giá 6.392.000đ, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Điều khoản này quy định hình cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc tù từ 06 tháng đến 03 năm, ngoài ra người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ theo Khoản 5 Điều 173 - BLHS.

[3] Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xét: Ngày 01.12.2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo ra trại ngày 28.4.2017, ngày 22.9.2018 bị cáo lại phạm tội mới, như vậy bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm, xét bị cáo khai báo thành khẩn, tài sản đã thu hồi trả cho người bị hại, sau khi nhận ra hành vi của mình là vi phạm pháp luật bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo phạm tội mang tính chất cơ hội là những tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tuy nhiên vẫn cần thiết phải dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trị giá tài sản không lớn nên Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có thu nhập thấp và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về dân sự: Chị H, anh H đều đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điểm s (khai báo thành khẩn) Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt: **Nguyễn Văn S 09** (Chín) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 24.9.2018.

2.Căn cứ Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H, anh H đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ. Anh Hùng chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chử Phương Ngọc

Nơi nhận:
- VKS huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S (để thi hành);
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.